

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH GIA LAI
**CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ
BẢO VỆ THỰC VẬT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/BC7N-CCTTBVTV

Gia Lai, ngày tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
Tình hình sinh vật gây hại cây trồng
(Từ ngày 06/3/2025 đến ngày 12/3/2025)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

- Nhiệt độ trung bình từ 26 – 28 °C; cao nhất 34 - 36 °C, thấp nhất 19 - 21 °C
- Độ ẩm trung bình 77 - 82%; cao nhất 85 - 90%, thấp nhất 70 - 75%
- Thời tiết trên địa bàn tỉnh trong tuần qua, đêm và sáng trời mát, ngày trời nắng, có nơi nắng nóng, phổ biến không mưa. Ảnh hưởng của thời tiết đến sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng là tương đối thuận lợi.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa: 26.882 ha

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Đông Xuân 2024 - 2025	Sớm	Ngâm sữa - Chắc xanh	6.470	
	Chính vụ	Làm đồng - Trổ bông	16.027,7	
	Muộn	Đẻ nhánh tập trung - Làm đồng	4.384,3	

b) Cây trồng khác

- Nhóm cây lương thực			
Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Cây Ngô vụ Đông Xuân 2024-2025	Các giai đoạn	3.293	
- Nhóm cây tinh bột			
+ Cây sắn		86.785,9	71.592,6
Vụ Đông Xuân 2024 - 2025	Phát triển thân, lá	9.541,6	
Vụ Mùa 2024	Phát triển củ - Thu hoạch	77.244,3	71.592,6
+ Cây khoai lang vụ Đông Xuân 2024 - 2025	Các giai đoạn	2.290	
- Nhóm cây rau, dưa, đậu các loại vụ Đông Xuân 2024 - 2025			
+ Cây rau, dưa các loại	Các giai đoạn	15.087	
+ Đậu các loại	Các giai đoạn	4.231,4	

- Nhóm cây công nghiệp ngắn ngày			
- Cây mía		53.327,6	35.983,2
+ Cây mía năm 2024	Tích lũy đường - T. hoạch	43.433	35.983,2
+ Vụ Đông Xuân 2024 - 2025	Đẻ nhánh	9.894,6	
- Thuốc lá	Phát triển lá - Thu hoạch	3.991,7	
- Cây lạc vụ Đ. Xuân 2024 - 2025	Các giai đoạn	80	
- Nhóm cây hàng năm khác	Các GDST	4.260	
- Nhóm cây công nghiệp dài ngày		237.769	
+ Cây cà phê	Chăm sóc - Ra hoa, quả non	106.400 (<i>TM+TC: 2.316;</i> <i>KTCB: 9.811;</i> <i>KD: 94.273</i>)	
+ Cây tiêu	Chăm sóc - Thu hoạch	7.501 (<i>TM+TC:</i> <i>169;</i> <i>KTCB: 1.174,1; K</i> <i>D: 6.157,9</i>)	
+ Cây điều	Nuôi trái - Thu hoạch	39.368 (<i>TM + TC:</i> <i>69; KTCB: 4.213;</i> <i>KD: 35.086</i>)	
+ Cây cao su	Thay lá mới	83.991 (<i>TM: 18,3;</i> <i>TC: 2.653,4;</i> <i>KTCB: 30.678;</i> <i>KD: 50.641</i>)	
+ Cây chè	Chăm sóc	508 (<i>KD</i>)	
- Nhóm cây ăn quả		33.030	
+ Cây sầu riêng	Ra hoa - Quả non	6.387,3	
+ Cây chanh leo	Các giai đoạn	5.452,1	
+ Cây chuối	Các giai đoạn	7.275,5	
+ Cây trồng khác	Các giai đoạn	13.915,1	

II. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Cây lúa					
-	Bọ trĩ (bù lạch)	4	12		TT	Kbang, thị xã An Khê
-	Tuyến trùng rễ	5,5	20		C3 - C5	Đak Đoa, Chư Păh
-	Sâu cuốn lá nhỏ	3	30		T3 - T4	Đak Pơ, Đak Đoa, Đức cơ...
-	Đạo ôn lá	3,5	30		C3- C5	Thị xã An Khê, Đak Pơ, Ia Grai...

-	Bệnh đốm nâu	5,5	30		C3- C5	Mang Yang, Đak Đoa, Đức Cơ, Chư Păh
-	Rầy nâu	12	2.000		T3 - T4	Ia Pa
-	Bệnh khô vằn	6	17		C1- C3	Ia Grai, Chư Păh
II	Cây rau					
-	Bọ nhảy (họ thập tự)	6	10		TT	TP. Pleiku
-	Sâu tơ (họ thập tự)	7,5	14		T2 – T3	TP. Pleiku, thị xã An Khê
-	Bệnh phấn trắng (họ bầu bí)	10	20		C3- C5	Thị xã An Khê, TP. Pleiku
-	Bệnh giả sương mai (họ bầu bí)	12	20		C3 -C5	TP. Pleiku, Thị xã An Khê
-	Bệnh thán thư (cây ớt)	6	10		C1- C3	Thị xã An Khê
III	Cây mía					
-	Xén tóc đục thân	1,5	10		T1 - T2	Phú Thiện, Kbang, thị xã An Khê...
-	Bọ hung	1	2		T2 - T3	Thị xã An Khê
-	Bệnh trắng lá	5	23		T2 - T3	Krông Pa
IV	Cây sắn					
-	Khảm lá virus	3	20		C3 - C5	Ia Pa, Krông Pa, thị xã Ayun Pa
V	Cây cà phê					
-	Rệp sáp	7,5	50		C1- C2	Chư Prông, Ia Grai, Mang Yang...
-	Bệnh khô cành	9	50		C5 - C7	Mang Yang, Ia Grai, Chư Sê...
-	Bệnh gỉ sắt	6,5	51,6		C3 - C5	Mang Yang, Kbang, Chư Sê...
VI	Cây hồ tiêu					
-	Bệnh chết chậm	2,5	25		C3- C5	Mang Yang, Đức cơ, Đak Đoa...
-	Tuyến trùng	7	29,8		C3- C5	Mang Yang, Chư Prông, Đak Đoa...
-	Rệp sáp gốc	2	13		C1- C2	Chư Puh, Chư Sê
VII	Cây điều					
-	Bọ xít muỗi	3,6	18,3		C1- C2	Ia Grai, Đức Cơ, Kông Chro, Krông Pa
-	Sâu đục thân, cành	5,6	31		C1- C2	Ia Grai, Đức Cơ
-	Bệnh thán thư lá	5	18,2		C1- C3	Kông Chro, Ia Grai
VIII	Cây sầu riêng					
-	Bệnh cháy lá, chết đọt	6,5	20		C3 - C5	Chư Prông, Đức Cơ, Đak Đoa
-	Rầy bông (tua trắng)	5	25		C1- C2	Đức Cơ, Chư Prông

IX	Cây chanh leo					
-	Ruồi đục quả	5	10		C1- C2	Đak Đoa
-	Bệnh sương mai	10	20		C3 - C5	Đak Đoa

2. Diện tích nhiễm sinh vật gây hại chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Cây lúa							
-	Bọ trĩ (bù lạch)	53,9	0	0		53,9	18,9	Kbang, thị xã An Khê
-	Tuyến trùng rễ	22	0	0		22	0	Đak Đoa, Chư Puh
-	Sâu cuốn lá nhỏ	132,3	52	0		184,3	78,9	Đak Pơ, thị xã An Khê, Đak Đoa...
-	Đạo ôn lá	140,8	9	0,5		150,3	116	Thị xã An Khê, Đak Pơ, Chư Prông...
-	Bệnh khô vằn	5,5	0	0		5,5	1	Ia Grai, Chư Păh
-	Bệnh đốm nâu	155,1	0	0		155,1	85	Mang Yang, Đak Đoa, Đức Cơ, Chư Păh
-	Sâu đục thân (bông bạc)	46,1	0	0		46,1	0	Thị xã An Khê, Đức Cơ
II	Cây rau							
-	Bệnh giả sương mai (họ bầu bí)	36,3	0	0		36,3	28,3	TP. Pleiku, thị xã An Khê
-	Bệnh phấn trắng (họ bầu bí)	47,6	0	0		47,6	0	TP. Pleiku, thị xã An Khê
-	Sâu tơ (họ thập tự)	28,6	0	0		28,6	22,6	TP. Pleiku, thị xã An Khê
-	Bọ nhảy (họ thập tự)	15	0	0		15	11	TP. Pleiku
-	Bệnh thán thư (cây ớt)	35	0	0		35	35	Đak Pơ, thị xã An Khê
III	Cây mía							
-	Xén tóc đục thân	96	0	0		96	04	Phú Thiện, Kbang, thị xã An Khê
-	Bọ hung	10	0	0		10	10	Thị xã An Khê
-	Bệnh trắng lá	1,3	0	0		1,3	0	Krông Pa
IV	Cây sắn							
	Khảm lá virus	639,7	0	0		639,7	0	Ia Pa, Krông Pa, thị xã Ayun Pa

V Cây cà phê								
-	Rệp sáp	1.565	157,7	0		1.722,7	1013	Chư Prông, Ia Grai...
-	Bệnh khô cành	1.466,3	554,2	0		2.020,5	480	Mang Yang, Ia Grai, Chư Sê...
-	Bệnh gỉ sắt	2.036,3	25,6	0		2.061,9	570	Mang Yang, Kbang, Chư Sê...
VI Cây hồ tiêu								
-	Bệnh chết chậm	135	41	182		358	32	Mang Yang, Đức Cơ Đak Đoa...
-	Tuyến trùng	308	126	86		520	38	Mang Yang, Chư Prông, Đak Đoa...
VII Cây điều								
-	Bọ xít muỗi	978,5	265,7	0		1.244,2	435	Ia Grai, Đức Cơ...
-	Sâu đục thân, cành	460	287,5	0		747,5	435	Ia Grai, Đức Cơ
-	Bệnh thán thư lá	106,4	12,6	0		119	0	Kông Chro, Ia Grai
VIII Cây sầu riêng								
-	Bệnh cháy lá, chết đột	25	0	0		25	8	Chư Prông, Đak Đoa
-	Rầy bông (tua trắng)	32	0	0		32	7	Đức Cơ, Chư Prông
IX Cây chanh leo								
-	Ruồi đục quả	10	0	0		10	10	Đak Đoa
-	Bệnh Sương mai	4	0	0		4	4	Đak Đoa

3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

3.1. Trên cây lúa vụ Đông Xuân

- Trên trà lúa sớm: rầy nâu mật độ trung bình (MĐTB) 12 - 480 con/m², cá biệt có diện tích mật độ cao 2.000 con/m², DTN 14,5 ha tương đương so với kỳ trước đó, gây hại cục bộ trên địa bàn huyện Ia Pa. Bệnh khô vằn tỷ lệ bệnh (TLB) 6 - 17%, diện tích nhiễm (DTN) 5,5 ha (nhẹ), tăng 2,5 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn huyện Ia Grai, Chư Păh.

- Trên trà lúa chính vụ, trà lúa muộn: các đối tượng sâu, bệnh giảm đáng kể so với kỳ trước đó. Bọ trĩ (bù lạch) gây hại với tỷ lệ hại (TLH) 4 - 12%, diện tích nhiễm (DTN) 53,9 ha (nhẹ), giảm 20,1 ha so với kỳ trước. Tuyến trùng hại rễ gây hại với TLH 5,5 - 20%, DTN 22 ha (nhẹ), giảm 111 ha so với kỳ trước. Sâu cuốn lá nhỏ gây hại với TLH 3 - 30 con/m², DTN 184,3 ha (nhẹ 132,3 ha, trung bình 52 ha) giảm 35,2 ha so với kỳ trước, gây hại trên địa bàn các huyện Đak Pơ, Đak Đoa, Đức cơ... Bệnh đạo ôn lá TLB 3,5 - 30%, DTN 150,3 ha (nhẹ 140,8 ha, trung bình 09 ha, nặng 0,5 ha), giảm 42,2 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các huyện như thị xã An Khê, huyện Đak Pơ, Ia Grai... Bệnh đốm nâu tỷ lệ bệnh TLB 5,5 - 30%, DTN 150,1 ha (nhẹ), giảm 05 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các huyện: Mang Yang, Đak Đoa, Đức Cơ...

3.2. Trên cây rau

Công tác phòng trừ kịp thời, có hiệu quả của người dân trên cây rau. Các đối tượng sinh vật gây hại giảm nhiều so với kỳ trước.

- Sâu tơ gây hại (*họ thập tự*) TLH 7,5 - 14 con/m², DTN 28,6 ha (nhẹ), giảm 117,7 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn thành phố Pleiku, thị xã An Khê. Bọ nhảy gây hại TLH 6 - 10 con/m², DTN 15 ha (nhẹ), giảm 171,3 ha so với kỳ trước, gây hại cục bộ trên địa bàn thành phố Pleiku.

- Bệnh phấn trắng gây hại (*họ bầu bí*) TLB 10 - 20%, DTN 47,6 ha (nhẹ), tăng 3,2 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn thị xã An Khê, thành phố Pleiku; bệnh gỉ sương mai gây hại TLB 12 - 20%, DTN 36,3 ha (nhẹ), tăng 23,3 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn thành phố Pleiku và thị xã An Khê.

- Bệnh thán thư quả (*cây ớt*) TLB 6 - 35%, DTN 35 ha (nhẹ), giảm 36,4 ha so với kỳ trước, gây hại cục bộ trên địa bàn thị xã An Khê.

3.3. Trên cây mía: xén tóc tỷ lệ hại TLH 1,5 - 10%, DTN 96 ha (nhẹ), giảm 25 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các huyện Phú Thiện, Kbang và thị xã An Khê. Bọ hung gây hại mật độ từ 1 - 2 con/hố, DTN 10 ha (nhẹ), giảm 20 so với kỳ trước, gây hại cục bộ trên địa bàn thị xã An Khê. Bệnh trắng lá xuất hiện và gây hại TLB 5 - 23%, DTN 1,3 ha (nhẹ), gây hại cục bộ trên địa bàn huyện Krông Pa.

3.4. Trên cây sắn: bệnh khảm lá virus hại sắn tỷ lệ bệnh (TLB) 3 - 20%, diện tích nhiễm (DTN) 639,7 ha (nhẹ), tăng 28 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các huyện Ia Pa 316 ha, Krông Pa 308,7 ha và thị xã Ayun Pa 15 ha.

3.5. Trên cây công nghiệp dài ngày

- Cây cà phê: do thời tiết nắng nóng, khô hạn trong thời gian qua đã tạo điều kiện thuận lợi cho rệp sáp phát triển mạnh, rệp sáp TLH 5 - 25%, cá biệt có nơi tỷ lệ hại đến 50%, DTN 1.722,7 ha (nhẹ 1.565 ha, trung bình 157,7 ha), tăng 128,9 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các huyện Chư Prông 840 ha, Chư Sê 246 ha, Đức Cơ 200 ha, Ia Grai 185,7, Mang Yang 75 ha, thành phố Pleiku 58 ha, Chư Pưh 50 ha Đak Đoa 50 ha, Chư Păh 18 ha. Bệnh gỉ sắt gây hại TLB 9 - 31,6%, cá biệt có nơi tỷ lệ bệnh đến 51,6%, DTN 2.061,9 ha (nhẹ 2.036,3 ha, trung bình 25,6 ha), giảm 35,1 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các huyện Mang Yang, Kbang, Chư Sê, Ia Grai... Bệnh khô cành gây hại TLB 9 - 25%, cá biệt có nơi tỷ lệ hại đến 50%, DTN 2.020,5 ha (nhẹ 1.466,3 ha, trung bình 554,2 ha), tăng 9,7 ha so với kỳ trước, gây hại trên địa bàn các huyện Mang Yang, Ia Grai, Chư Sê...

- Cây tiêu: bệnh vàng lá chết chậm gây hại TLB 2,5 - 25%, DTN 358 ha (nhẹ 135 ha, trung bình 41 ha, nặng 182 ha), giảm 09 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các huyện Mang Yang, Đức Cơ, Đak Đoa... Tuyến trùng rễ gây hại TLH 2 - 29,8%, DTN 520 ha (nhẹ 308 ha, trung bình 126 ha, nặng 86 ha), tăng 14 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các huyện Mang Yang, Chư Prông, Đak Đoa...

- Cây điều: bọ xít muỗi tăng mạnh trên diện tích điều ra hoa đậu trái muộn thuộc các huyện phía Đông nam, phía Nam của tỉnh như (huyện Kông Chro, Krông Pa, Ia Pa), gây hại với TLH 3,8 - 25%, DTN 1.244,2 ha (nhẹ 978,5 ha, trung bình 265,7 ha), tăng 317,4 ha so với kỳ trước, gây hại trên địa bàn các huyện Ia Grai, Đức cơ, Kông Chro, Krông Pa. Sâu đục thân, cành gây hại với TLH 8 - 30%, DTN 747,5 ha (nhẹ 460 ha, trung bình 287,5 ha), tăng 1,9 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn huyện Ia Grai, Đức Cơ.

3.6. Trên cây ăn quả

- Cây chanh dây: ruồi đục quả gây hại TLH 5 - 10%, DTN 10 ha (nhẹ), giảm 02 ha so với kỳ trước, gây hại cục bộ trên địa bàn huyện Đak Đoa; bệnh sương mai gây hại TLB 10 - 20%, DTN 04 ha (nhẹ), giảm 02 ha so với kỳ trước, gây hại cục bộ trên địa bàn huyện Đak Đoa.

- Cây sầu riêng: rầy bông (rầy phấn tua trắng) gây hại TLH 5 - 25%, DTN 32 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn huyện Đức Cơ, Chư Prông.

Bệnh cháy lá, chết đột gây hại TLB 6,5 - 20%, DTN 25 ha (nhẹ), tăng 11 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn huyện Chư Prông, Đức Cơ, Đak Đoa; một số sâu bệnh hại khác gây hại rải rác.

- Cây chuối: các đối tượng gây hại như bệnh chùn đột, đốm đen trái gây hại rải rác.

3.7. Trên cây trồng khác: sâu bệnh gây hại rải rác; diện tích nhỏ và mật độ gây hại thấp.

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Trên cây lúa:

+ Trà lúa sớm và chính vụ: sâu đục thân (héo rảnh), rầy nâu, bệnh khô vằn tiếp tục gây hại; bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh lem lép hạt xuất hiện trên trà lúa sớm.

+ Trà lúa trà muộn: các đối tượng như sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn lá tiếp tục gây hại; bệnh khô vằn, rầy nâu xuất hiện gây hại.

- Trên cây rau: bọ nhảy, sâu tơ (họ thập tự), bệnh phấn trắng, bệnh giả sương mai (họ bầu bí), bệnh thán thư, bệnh đốm đen lá (trên họ cà) tiếp tục gây hại.

- Trên cây mía: bọ hung, xén tóc, sâu đục thân tiếp tục gây hại trên các diện tích đã bị nhiễm.

- Trên cây sắn: bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại trên diện tích bị nhiễm từ trước.

- Trên cây cà phê: rệp sáp hại chùm quả có chiều hướng gia tăng; rệp vảy xanh, vảy nâu, bệnh gỉ sắt tiếp tục gây hại.

- Trên cây hồ tiêu: bệnh vàng lá chết chậm, tuyến trùng hại rễ, rệp sáp gốc tiếp tục gây hại trên những diện tích nhiễm từ trước.

- Trên cây điều: bọ xít muỗi, bệnh thán thư có chiều hướng gia tăng do điều đang trong giai đoạn ra hoa, quả non; sâu đục cành, sâu róm đỏ gây hại cục bộ.

- Trên cây ăn quả:

+ Cây chanh dây: ruồi đục trái, bệnh sương mai tiếp tục gây hại trên diện tích bị nhiễm từ trước. Nhóm bệnh virus (*xoăn lá, khảm lá, cứng trái*) tiếp tục gây hại.

+ Cây sầu riêng: rệp sáp, rầy bông có chiều hướng gia tăng; sâu đục trái gây hại cục bộ; bệnh nứt thân xì mũ gây hại rải rác.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Để giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất do sâu, bệnh hại gây ra, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đề nghị Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp tiếp tục tuyên truyền, phổ biến tới UBND các xã/phường/thị trấn, người dân trên địa bàn tổ chức triển khai, thực hiện Văn bản số 412/SNNPTNT-CCTTBVTV ngày 11/02/2025 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc tăng cường các biện pháp phòng chống sinh vật giữa và cuối vụ Đông Xuân 2024 - 2025; Văn bản số 154/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 28/02/2025 về việc dự báo tình hình rệp sáp hại cà phê và hướng dẫn biện pháp phòng trừ trong thời gian tới. Văn bản số 156/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 04/3/2025 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật về việc chủ động phòng chống sinh vật gây hại cây trồng. Cụ thể:

2.1. Trên cây lúa

- Thường xuyên theo dõi diễn biến của một số đối tượng sâu bệnh hại theo các giai đoạn phát triển của cây lúa: trên trà lúa sớm và chính vụ, chú ý sâu đục thân, rầy nâu, bệnh khô vằn, bệnh đạo ôn; trên trà lúa muộn theo dõi có biện pháp xử lý kịp thời đối với rầy nâu, bệnh khô vằn, bệnh đạo ôn lá.

- Đối với rầy nâu: chủ động phòng trừ kịp thời ngay sau khi rầy cắn nở rộ, chỉ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật khi mật độ rầy nâu trên đồng ruộng từ 1.000 con/m² trở lên, sử dụng thuốc có chứa các hoạt chất *Buprofezin*, *Imidacloprid*, *Dimethoate* + *Isoprocarb*...; trước khi phun thuốc, điều tiết mực nước trong ruộng khoảng 10 - 15cm kết hợp rạch hàng theo băng rộng 1,5 - 2 m để tăng hiệu quả phòng trừ.

- Đối với bệnh đạo ôn: phát hiện sớm và xử lý kịp thời, khi tỷ lệ lá bị bệnh trên 10%, xử lý bằng cách phun thuốc chứa hoạt chất *Albendazole*, *Azoxystrobin*, *Ferimzone*...; chú ý phun kỹ mặt dưới của lá để nâng cao hiệu quả phòng trừ.

2.2. Trên cây rau các loại: tiếp tục hướng dẫn người dân ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp IPHM và sản xuất rau theo quy trình rau an toàn, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, quy trình sản xuất rau hữu cơ; ưu tiên sử dụng thuốc trừ sâu có nguồn gốc thảo mộc, sinh học; trường hợp bộ nhậy, sâu tơ gây hại vượt ngưỡng quy định, người dân có thể sử dụng hoạt chất *Abamectin* (tên thương phẩm: *Agromectin 1,8 EC, 5.0WG*, *Abagro 4.0EC*, *Abamine 3.6EC, 5WG*, *Abasuper 1.8EC*) để trừ; nồng độ, liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

2.3. Trên cây mía

- Sau khi thu hoạch, vệ sinh đồng ruộng, xử lý tàn dư thực vật như: lá, thân, gốc bị sâu bệnh đem tiêu hủy nhằm hạn chế khả năng lưu tồn sinh vật gây hại.

- Đối với mía trồng mới vụ Đông Xuân 2024 - 2025 và mía lưu gốc đang trong giai đoạn đẻ nhánh: áp dụng Chương trình Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) ngay từ đầu vụ. Tiến hành bón thúc đợt 1 khi mía có từ 4 - 5 lá: lượng phân bón cho 01 ha là: 120 - 150 kg Urê, 90 - 120 kg Kali clorua.

- Trường hợp diện tích mía nhiễm xén tóc đục thân gây hại vượt ngưỡng, bà con nông dân có thể sử dụng hoạt chất thuốc *Chlorantraniliprole* có tên thương phẩm (*Prevathon® 0.4GR, 5SC, 35WG*) để diệt trừ, nồng độ, liều lượng sử dụng theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

2.4. Trên cây sắn

- Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện Quy trình canh tác sắn bền vững, quy trình nhân giống sạch bệnh và tài liệu hướng dẫn giống sắn sạch bệnh, canh tác sắn bền vững tại Quyết định số 91/QĐ-TT-CLT ngày 24/02/2025 của Cục Trồng trọt; hướng dẫn phát triển bền vững cây sắn và tăng cường liên kết tiêu thụ giữa nhà máy với người dân trồng sắn theo chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 3762/ SNNPTNT-CCTTBVTV ngày 04/10/2024.

- Đối với những diện tích sắn trồng vụ Đông Xuân 2024 - 2025: hướng dẫn người dân chăm sóc, làm cỏ, bón phân thúc lần 01 (cây sắn có thời gian 30 - 40 ngày sau trồng) với lượng phân cho 01 ha (60kg N + 60kg K₂O), bón cách gốc 15 - 20 cm; bón thúc lần 02 (cây sắn có thời gian 80 - 90 ngày sau trồng) với lượng phân cho 01 ha (60kg N + 70kg K₂O).

- Thăm đồng ruộng thường xuyên để có quyết định xử lý phù hợp đối với các sinh vật gây hại mới xuất hiện như: Nhện đỏ, rệp sáp bột hồng, bệnh thán thư, bệnh chổi rồng.

- Đối với bệnh khảm lá virus: áp dụng “Quy trình kỹ thuật quản lý tổng hợp bệnh khảm lá sắn” tại Văn bản số 1772/BVTV-TV ngày 8/8/2024 của Cục Bảo vệ thực vật, nội dung Quy trình được tăng tải trên Trang thông tin điện tử của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Gia Lai, địa chỉ: <https://ccttbvtv.gialai.gov.vn/quy-trinh-ky-thuat-quan-ly-tong-hop-benh-kham-la-san/>.

2.5. Trên cây cà phê

- Cắt bỏ cành khô, cành già yếu, cành sâu bệnh, cành vượt, cành mọc chùm, tia bỏ chồi vượt, cành tăm, cành mọc ngược, cành không cho quả nhằm tạo độ thông thoáng, giảm thiểu tiêu hao dinh dưỡng, sâu bệnh hại cho vườn cây.

- Kiểm tra, theo dõi diễn biến gây hại của rệp sáp để có biện pháp xử lý kịp thời, phù hợp. Đối với vườn cây có dưới 25% cây bị rệp sáp gây hại, tiến hành phun thuốc bảo vệ thực vật cục bộ để tránh lãng phí thuốc, công lao động và hạn chế ô nhiễm môi trường; đối với những vườn có số cây rệp sáp gây hại lớn hơn 25% thì tiến hành phun trên diện rộng nhằm hạn chế sự lây lan, ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng sau này. Các loại thuốc bảo vệ thực vật để phòng trừ:

+ Nhóm thuốc sinh học: *Abamectin*, *Azadirachtin*, *nấm tím (Paecilomyces)*, *nấm trắng (Beauveria)*, *nấm xanh (Metarhizium)*.

+ Nhóm hóa học: *Alpha - Cypermethrin*, *Dimethoate*, *Acetamiprid*, *Benfuracarb*, *Buprofezin*... trước khi phun thuốc hướng dẫn bà con sử dụng máy áp suất cao hoặc sử dụng vòi tưới nước xịt bỏ tàn hoa, mục đích để thuốc bảo vệ thực vật tiếp xúc dễ dàng hơn với rệp. Pha thuốc đúng liều lượng, nồng độ hướng dẫn trên của nhà sản xuất ghi trên bao bì.

2.6. Trên cây hồ tiêu

- Do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết nắng hạn trong nhiều tháng qua, khuyến cáo người dân chăm sóc, tưới nước giữ ẩm theo định kỳ từ 5 - 7 ngày/lần; để tán cây che bóng, tủ gốc giữ ẩm cho vườn cây như (*rom rạ*, *cỏ khô*...); bón phân chuyên dùng cho cây hồ tiêu trong mùa khô, giúp cây không bị suy kiệt dinh dưỡng, ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng, năng suất, sản lượng mùa vụ năm sau.

- Thường xuyên vệ sinh đồng ruộng, kịp thời tiêu hủy nguồn bệnh trong vườn hồ tiêu. Sử dụng chế phẩm sinh học có chứa vi sinh vật đối kháng như: *Metarhizium*, *Trichoderma*, *Chitosan*... để phòng trừ các đối tượng sâu bệnh như rệp sáp hại rễ, vàng lá thối rễ tơ, héo chết nhanh và tuyến trùng hại rễ.

2.7. Trên cây điều

- Tiếp tục theo dõi, quản lý sinh vật gây hại trên cây điều; khi phát hiện bọ xít muỗi gây hại mật độ cao, tiến hành phun thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất như: *Alpha-cypermethrin*, *Cypermethrin*, *Permethrin*, *Citrus oil*... liều lượng và nồng độ pha theo hướng dẫn ghi trên bao bì.

- Đối với bệnh thán thư, sử dụng các loại thuốc có hoạt chất như: *Copper Hydroxide*, *Cuprous Oxide*, *Propineb*, *Metalaxyl*... Liều lượng và nồng độ theo hướng dẫn ghi trên bao bì. Khi phun thuốc hướng dẫn bón từ dưới lên, phun theo trình tự từng tầng tán cây.

2.8. Trên các loại cây ăn quả

- Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất theo chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Organic, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), sử dụng phân bón hữu cơ, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc vi sinh... giúp bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh sử dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm: tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa kết hợp bón phân tạo cho cây sinh trưởng, phát triển tốt, nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Đối với cây chanh dây: tập trung hướng dẫn người dân phòng trừ các đối tượng dịch hại sau:

+ Các loại nhện gây hại: sử dụng luân phiên các thuốc có chứa hoạt chất *Fenpyroximate* (min 96%), *Abamectin* + *Petroleum oil* 39,7%, *Petroleum spray oil* (min 97%) phun ướt đều bề mặt lá và các bộ phận khác trên cây. Sau 03 - 05 ngày nếu thấy vẫn còn nhện

cần phun nhắc lại lần 2.

+ Ruồi đục quả: dùng bẫy dính màu vàng hoặc bẫy dẫn dụ có hoạt chất *Methyl Eugenol* treo bên ngoài vườn, để diệt trừ ruồi trưởng thành và dự báo sự xuất hiện của ruồi trong kỳ tiếp theo.

+ Nhóm bệnh virus và côn trùng môi giới (*rệp muội, bọ phấn, bọ trĩ*): treo bẫy dính vàng để dự tính, dự báo sớm sự xuất hiện của các môi giới truyền virus, có thể trùm lưới để bảo vệ cây con khỏi các côn trùng gây hại, đặc biệt là các môi giới truyền virus hoặc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có chứa các hoạt chất *Spirotetramat, Abamectin, Emamectin benzoate...* để phòng trừ môi giới truyền virus.

+ Nhóm bệnh hại do nấm (*bệnh đốm nâu, đốm vòng, thối thân, thối quả, bệnh thối gốc - phình thân, bệnh thán thư*): phòng trừ khi bệnh mới chớm xuất hiện, sử dụng các loại thuốc có các hoạt chất như: *Tebuconazole, Mancozeb, Propineb, Metalaxyl, zoxystrobin, Chlorothalonil, Fosetyl Aluminium, Copper oxychloride, Hexaconazol* để phòng trừ. Sử dụng thuốc luân phiên để tránh hiện tượng kháng thuốc.

- Đối với cây sầu riêng: đang trong giai đoạn ra hoa - quả non, chú ý phòng trừ các đối tượng dịch hại sau:

+ Đối với các nhóm chích hút như: nhện đỏ, rệp sáp, rầy phấn, bọ trĩ... gây hại lá non, đọt non, hoa và quả non, khi phát hiện sử dụng các loại thuốc có hoạt chất *Abamectin, Spirotetramat, Buprofezin...* để phòng trừ; luân phiên các nhóm thuốc để tránh hiện tượng kháng thuốc.

+ Đối với sâu đục quả non: sử dụng các loại thuốc có hoạt chất *Bacillus thuringiensis, Spinosad, Chlorantraniliprole...* để phòng trừ; liều lượng, nồng độ khuyến cáo ghi trên bao bì, nên phun thuốc khi sâu chưa đục vào trong quả để đạt hiệu quả cao.

- Đối với cây chuối: tưới nước giữ ẩm nhằm duy trì độ ẩm phù hợp vào mùa khô, không để cây thiếu nước, đặc biệt là thời kỳ cây chuối ra hoa và hình thành trái. Khi phát hiện vườn có bọ giáp gây hại, sử dụng các chế phẩm sinh học như: *Bacillus thuringiensis, Beauveria bassiana, Metarhium anisopliae* để phòng trừ.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình sinh vật gây hại cây trồng và biện pháp hướng dẫn chỉ đạo phòng trừ. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị địa phương báo cáo về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Trung tâm BVTV Miền Trung (b/c);
- Chi cục trưởng (b/c);
- Các Phó Chi cục trưởng;
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố;
- Trang Thông tin điện tử Chi cục;
- Lưu: VT, BVTV & KDTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Ngô Duy Đông

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ
(Từ ngày 06/3/2025 đến ngày 12/3/2025)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Cây lúa									
1	Rầy nâu	11,5	1	2		14,5	0		0	Ia Pa
2	Bọ trĩ (bù lạch)	53,9	0	0		53,9	-20,1		18,9	Kbang, thị xã An Khê
3	Tuyến trùng rế	22	0	0		22	-111		0	Đak Đoa, Chư Păh
4	Sâu cuốn lá nhỏ	132,3	52	0		184,3	-35,2		78,9	Đak Pơ, Đak Đoa, Đức Cơ...
5	Đạo ôn lá	140,8	9	0,5		150,3	-42,2		116	Thị xã An Khê, Đak Pơ, Ia Grai...
6	Bệnh khô vằn	5,5	0	0		5,5	2,5		1	Ia Grai, Chư Păh
7	Bệnh đốm nâu	150,1	0	0		150,1	-5		90	Mang Yang, Đak Đoa...
II	Cây cà phê									
1	Rệp sáp	1.565	157,7	0		1.722,7	128,9		1.013	Chư Prông, Ia Grai, Chư sê...
2	Bệnh khô cành	1.466,3	554,2	0		2.020,5	9,7		480	Mang Yang, Ia Grai, Chư Sê...
3	Bệnh gỉ sắt	2.036,3	25,6	0		2.061,9	-35,1		570	Mang Yang, KBang, Chư Sê...
III	Cây tiêu									
1	Bệnh chết chậm	135	41	182		358	-9		32	Mang Yang, Đức Cơ, Đak Đoa...
2	Tuyến trùng	308	126	86		520	14		38	Mang Yang, Chư Prông, Đak Đoa...
IV	Cây sắn									
	Khảm lá virus	639,7	0	0		639,7	-4		0	Ia Pa, Krông Pa, Ayun Pa